

**TỔNG CÔNG TY IDICO
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO**

Địa chỉ: Số 326 Nguyễn An Ninh - Phường 7, TP.Vũng Tàu

Điện thoại: 02543.838423 – Fax: 02543.838422

Mã số thuế: 3500101298

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÍ I NĂM 2024**

Vũng Tàu, tháng 04 năm 2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	7
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	8 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024.

CÔNG TY

Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO (gọi tắt là “Công ty”) là một Công ty được hình thành thông qua quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước - Đơn vị thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam theo Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa số 1426/QĐ-BXD ngày 16/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4903000323 do cấp lần đầu ngày 29/12/2006, sau đổi thành Mã số doanh nghiệp 3500101298, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 19 ngày 29/10/2020, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 20 ngày 28/10/2021, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 21 ngày 15/8/2022 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 22 ngày 18/7/2023.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 22 ngày 18/7/2023 là: 203.999.600.000 VND (*Bằng chữ: Hai trăm lẻ ba tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, sáu trăm nghìn đồng*), được chia thành 20.399.960 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 VND).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDICO INVESTMENT CONSTRUCTION OIL AND NATURAL GAS JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: IDICO-CONAC.

Cổ phiếu Công ty hiện đang giao dịch trên sàn UpCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: ICN.

Trụ sở chính của Công ty: Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Chính Trung	Chủ tịch
Ông Lê Thanh Tùng	Thành viên
Ông Phạm Ngọc Dũng	Thành viên
Ông Võ Tấn Dũng	Thành viên
Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Đức Tiến	Trưởng ban
Ông Mai Quốc Chính	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thấu	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Thanh Tùng	Giám đốc
Ông Vũ Anh Tuấn	Phó Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Dũng	Phó Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính tổng hợp không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024.


TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp để Báo cáo tài chính tổng hợp không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc, 



Lê Thanh Tùng

Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 25 tháng 4 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	31/3/2024	01/01/2024
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		882.529.225.448	865.256.860.428
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	118.612.337.442	124.124.145.438
1. Tiền	111		11.612.337.442	10.124.145.438
2. Các khoản tương đương tiền	112		107.000.000.000	114.000.000.000
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		239.676.000.000	254.676.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	10.676.000.000	10.676.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.3	229.000.000.000	244.000.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		132.031.034.623	123.506.055.287
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.4	57.255.135.454	48.039.194.963
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.5	45.707.829.402	44.592.672.590
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	30.171.300.969	31.977.418.936
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.7	(1.103.231.202)	(1.103.231.202)
IV- Hàng tồn kho	140	5.8	388.903.878.618	361.048.625.303
1. Hàng tồn kho	141		388.903.878.618	361.048.625.303
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		3.305.974.765	1.902.034.400
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	35.403.568	28.669.102
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.078.139.982	940.553.348
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.10	192.431.215	932.811.950
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+203+240+250+260)	200		349.750.877.391	374.891.962.840
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		56.951.293.682	57.226.257.989
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	5.492.142.638	5.765.568.188
- Nguyên giá	222		40.227.432.449	40.227.432.449
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.735.289.811)	(34.461.864.261)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.12	51.459.151.044	51.460.689.801
- Nguyên giá	228		51.571.486.154	51.571.486.154
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(112.335.110)	(110.796.353)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.13	209.284.388.519	219.698.600.132
1. Nguyên giá	231		425.109.234.510	425.109.234.510
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(215.824.845.991)	(205.410.634.378)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		49.709.504.441	48.783.044.441
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.14	49.709.504.441	48.783.044.441
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	20.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.3	-	20.000.000.000
VI Tài sản dài hạn khác	260		33.805.690.749	29.184.060.278
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	33.805.690.749	29.184.060.278
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.232.280.102.839	1.240.148.823.268

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO**

Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7,
Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/3/2024	01/01/2024
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		982.129.588.242	969.134.113.241
I- Nợ ngắn hạn	310		362.436.452.087	241.252.477.776
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	15.110.160.114	13.493.926.176
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.16	97.658.057.826	80.803.934.936
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	2.554.252.553	15.944.092.443
4. Phải trả người lao động	314		1.194.860.679	3.336.502.581
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.18	1.972.121.258	1.513.451.388
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.20	4.516.316.570	18.065.266.280
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19	11.912.634.724	3.209.038.349
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	222.838.182.740	100.000.000.000
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.21	1.074.782.000	1.074.782.000
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		3.605.083.623	3.811.483.623
II- Nợ dài hạn	330		619.693.136.155	727.881.635.465
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.20	619.343.136.155	623.859.452.725
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.19	350.000.000	350.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	-	103.672.182.740
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		250.150.514.597	271.014.710.027
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.22	250.150.514.597	271.014.710.027
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		203.999.600.000	203.999.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		203.999.600.000	203.999.600.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		290.000	290.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		46.150.624.597	67.014.820.027
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		36.414.880.027	976.342.788
- LNST chưa phân phối kì này	421b		9.735.744.570	66.038.477.239
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.232.280.102.839	1.240.148.823.268

Vũng Tàu, ngày 25 tháng 4 năm 2024

Người lập



Nguyễn Thị Lựu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Giám đốc



Lê Thanh Tùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
			đến 31/3/2024	đến 31/3/2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	48.106.974.702	34.634.313.748
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	48.106.974.702	34.634.313.748
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	36.979.957.955	23.743.760.756
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		11.127.016.747	10.890.552.992
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	4.761.204.930	7.095.523.537
7. Chi phí tài chính	22	6.4	183.668.963	351.246.693
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		183.668.963	351.246.693
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	3.534.872.001	3.735.785.990
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		12.169.680.713	13.899.043.846
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		12.169.680.713	13.899.043.846
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	2.433.936.143	2.779.808.769
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		9.735.744.570	11.119.235.077
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	463	890
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.9	463	890

Vũng Tàu, ngày 25 tháng 4 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Lựu

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Lê Thanh Tùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Theo phương pháp gián tiếp)
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2024

CHỈ TIÊU	MS	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
		đến 31/3/2024	đến 31/3/2023
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	12.169.680.713	13.899.043.846
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	10.689.175.920	2.961.257.490
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.761.204.930)	(7.095.523.537)
- Chi phí lãi vay	06	183.668.963	351.246.693
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	18.281.320.666	10.116.024.492
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(13.263.686.469)	3.928.583.538
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(27.855.253.315)	(19.695.742.351)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	8.310.085.941	(70.744.150.449)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(4.628.364.937)	69.095.032
- Tiền lãi vay đã trả	14	(3.826.714.165)	(351.246.693)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(11.853.873.344)	(20.828.714.940)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(206.400.000)	(1.736.684.584)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(35.042.885.623)	(99.242.835.955)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(926.460.000)	(152.026.718)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	35.000.000.000	51.625.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.869.829.627	11.381.658.891
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	40.943.369.627	62.854.632.173
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	35.492.756.191	32.249.297.734
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(16.326.756.191)	(19.815.314.174)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(30.578.292.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(11.412.292.000)	12.433.983.560
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(5.511.807.996)	(23.954.220.222)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	124.124.145.438	84.313.121.122
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	118.612.337.442	60.358.900.900

Vũng Tàu, ngày 25 tháng 4 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Lựu

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Lê Thanh Tùng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO là một Công ty được hình thành thông qua quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước - Đơn vị thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam theo Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa số 1426/QĐ-BXD ngày 16/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4903000323 do cấp lần đầu ngày 29/12/2006, sau đổi thành Mã số doanh nghiệp 3500101298, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 19 ngày 29/10/2020, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 20 ngày 28/10/2021, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 21 ngày 15/8/2022 và đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 22 ngày 18/7/2023.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 22 ngày 18/7/2023 là: 203.999.600.000 VND (*Bằng chữ: Hai trăm lẻ ba tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, sáu trăm nghìn đồng*), được chia thành 20.399.960 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 VND).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDICO INVESTMENT CONSTRUCTION OIL AND NATURAL GAS JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: IDICO - CONAC.

Cổ phiếu Công ty hiện đang giao dịch trên sàn UpCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: ICN.

Trụ sở chính của Công ty: Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Số lao động Công ty tại ngày 31/3/2024 là: 98 người (tại ngày 31/12/2023 là: 96 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Thi công xây dựng các công trình; cho thuê khu công nghiệp; đầu tư kinh doanh khách sạn, dịch vụ du lịch.

1.3 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi, công trình thủy điện, điện, nước, cầu cảng, bu chính viễn thông, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp; Đầu tư xây dựng các dự án theo các hình thức: Xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT), Xây dựng - chuyển giao - kinh doanh (BTO), Xây dựng - chuyển giao (BT), Xây dựng - kinh doanh (BO); Đầu tư kinh doanh khách sạn, dịch vụ du lịch, vui chơi giải trí; Xây dựng các công trình điện hạ thế, trung thế đến 35KV; Hoàn thiện công trình xây dựng; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê....;

Khai thác và chế biến khoáng sản; Sản xuất và kinh doanh nguyên liệu và vật liệu xây dựng; Gia công cơ khí và kết cấu thép các loại; Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng, suất ăn công nghiệp; Mua bán trang thiết bị bảo hộ lao động; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Môi giới thương mại; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng - công nghiệp; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị; Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn, nhà hàng; Duy tu bảo dưỡng, sửa chữa công trình cầu và đượng bộ; Lắp đặt các công trình hạ tầng kỹ thuật gắn liền với các công trình giao thông như hệ thống chiếu sáng, thoát nước, vỉa hè, cây xanh; Dịch vụ vệ sinh công nghiệp trong KCN của Công ty; Cung cấp dịch vụ trồng và chăm sóc cây xanh; Trồng cây hàng năm, cây lâu năm;

Hoạt động chính trong năm: Thi công xây dựng các công trình; cho thuê khu công nghiệp; đầu tư kinh doanh khách sạn, dịch vụ du lịch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2024

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Cấu trúc Công ty

Đơn vị trực thuộc: Tại ngày 31/3/2024, Công ty có 04 đơn vị trực thuộc sau:

<u>STT</u>	<u>Tên chi nhánh</u>	<u>Địa chỉ, mã số chi nhánh</u>
1	Văn phòng Đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO tại thành phố Hồ Chí Minh	10 L đường số 1, khu dân cư Miếu Nổi, phường 3, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh. Mã số văn phòng đại diện: 3500101298-017
2	Xí nghiệp Thương mại Dịch vụ và Xây dựng IDICO - CONAC	Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Mã số chi nhánh: 3500101298-018
3	Văn phòng Đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO tại thành phố Hà Nội	Căn hộ số 19 Tầng 15 Tòa C2 Khu Căn hộ D'. Capitale thuộc Khu Đô thị Đông Nam, đường Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Mã số văn phòng đại diện: 3500101298-019
4	Chi nhánh Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO- Xí nghiệp xây dựng Miền Tây IDICO CONAC	Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Mã số chi nhánh: 3500101298-020

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2024

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014; Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là tiền gửi tại các ngân hàng có thời hạn không quá 03 tháng kể từ ngày gửi, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 35
Máy móc và thiết bị	05 - 15
Thiết bị văn phòng	03 - 06
Phương tiện vận tải	06 - 10
Tài sản khác	04 - 06

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình(Tiếp theo)

Đối với những tài sản cố định hữu hình liên quan đến việc ghi nhận doanh thu và giá vốn một lần Công ty sẽ phân bổ hết chi phí khấu hao tương ứng với diện tích cho thuê lại đất theo hợp đồng nhận tiền trước một lần đủ điều kiện ghi nhận 1 lần. Giá trị tài sản cố định còn lại Công ty sẽ phân bổ tương ứng với thời gian khấu hao còn lại đối với phần diện tích cho thuê lại đất còn lại.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất và tài sản vô hình khác được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế, cụ thể:

- Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài tại Số 326 Nguyễn An Ninh, Phường 7, Thành phố Vũng Tàu. Theo quy định, tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.
- Tài sản cố định vô hình khác là giá trị chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng của Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1. Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo thời gian cho thuê đất.

Theo Quyết định số 480/QĐ-UBND ngày 16/3/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc điều chỉnh thời hạn thuê đất từ 41 năm lên 55 năm, kể từ ngày 9/10/2007 (ngày Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO nhận bàn giao doanh nghiệp Công ty Xây dựng Dầu khí từ Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam) liên quan đến Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Đối với những tài sản cố định vô hình liên quan đến việc ghi nhận doanh thu và giá vốn một lần Công ty sẽ phân bổ hết chi phí khấu hao tương ứng với diện tích cho thuê lại đất theo hợp đồng nhận tiền trước một lần đủ điều kiện ghi nhận 1 lần. Giá trị tài sản cố định còn lại Công ty sẽ phân bổ tương ứng với thời gian cho thuê đất còn lại đối với phần diện tích cho thuê lại đất nhận tiền hàng năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Chi phí trả trước khác: Được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: Doanh thu nhận trước như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều năm.

Hàng kỳ Công ty tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian thuê tài sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị công ty và Thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu hợp đồng xây dựng, Doanh thu kinh doanh Khu công nghiệp và Doanh thu hàng hóa, dịch vụ khác.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu hạ tầng Khu công nghiệp:

Công ty áp dụng quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để ghi nhận doanh thu từ tiền cho thuê tài sản. Theo đó, đối với trường hợp thời gian cho thuê chiếm hơn 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, Công ty ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và doanh nghiệp cho thuê không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- (b) Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- (c) Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Doanh thu hạ tầng Khu công nghiệp(Tiếp theo)

(d) Doanh nghiệp cho thuê phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

Đồng thời, Công ty thực hiện việc trích khấu hao của tài sản cố định một lần vào giá vốn của dịch vụ cho thuê.

Doanh thu từ việc cho thuê hạ tầng trong Khu công nghiệp của các hợp đồng còn lại hoặc chưa đủ điều kiện ghi nhận doanh thu một lần được ghi nhận trên cơ sở bàn giao hạ tầng cho bên thuê được bên thuê chấp thuận thanh toán và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng cho thuê.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán tổng hợp. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán tổng hợp; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong năm theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho tổng số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh dịch vụ khu công nghiệp, xây lắp, hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/03/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	3.085.146.150	711.095.120
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.527.191.292	9.413.050.318
Các khoản tương đương tiền (i)	107.000.000.000	114.000.000.000
Tổng	118.612.337.442	124.124.145.438

(i) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn không quá 03 tháng với lãi suất từ 1,6%/năm đến 3,5%/năm.

5.2 Chứng khoán kinh doanh

	31/3/2024 (VND)			01/01/2024 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (i)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	10.676.000.000	18.576.240.000	-	10.676.000.000	17.562.020.000	-
Tổng	10.676.000.000	18.576.240.000	-	10.676.000.000	17.562.020.000	-

Trong đó: Đầu tư tài chính ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.3)

10.676.000.000

10.676.000.000

(i) Giá trị hợp lý cổ phiếu của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO được xác định căn cứ vào giá niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh tại ngày 29/3/2024 theo giá đóng cửa là 17.400 đồng x 1.067.600 Cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO**

Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7,
Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2024

5.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/3/2024(VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a) Ngắn hạn	229.000.000.000	229.000.000.000	244.000.000.000	244.000.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Vũng Tàu - PGD Rạch Dừa	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bà Rịa Vũng Tàu	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Côn Đảo	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Đồng Đăng Nai	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Gia Định	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long An	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nhà Bè	16.000.000.000	16.000.000.000	16.000.000.000	16.000.000.000
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex Vũng Tàu	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Thủ dầu Một	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Vũng Tàu	109.000.000.000	109.000.000.000	119.000.000.000	119.000.000.000
Công ty Cổ phần IDTT (i)	40.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000
b) Dài hạn	-	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Vũng Tàu	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Tổng	229.000.000.000	229.000.000.000	264.000.000.000	264.000.000.000
	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000

Trong đó: Đầu tư tài chính dài hạn là các bên liên quan
(chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.3)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2024

5.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Tiếp theo)

(i) Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO đầu tư mua trái phiếu do Công ty cổ phần phát triển KCN và Đô thị Thủ Thừa IDICO-CONAC (Nay là Công ty Cổ phần IDTT) phát hành như sau:

- Nghị quyết số 06/NQ-CT ngày 23/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021: Nguồn vốn, giá trị đầu tư: Sử dụng một phần tiền nhàn rỗi đang gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng, tối đa không vượt quá 300 tỷ VND để đầu tư; Kỳ hạn trái phiếu: Tối đa 2 năm; Lãi suất trái phiếu: 10%/năm; Loại hình trái phiếu: là trái phiếu không chuyển đổi, có bảo đảm.

- Văn bản số 21/CT-HĐQT ngày 02/6/2021 của Hội đồng Quản trị gửi Giám đốc Công ty về việc chấp thuận cho Công ty mua trái phiếu Công ty cổ phần phát triển KCN và đô thị Thủ Thừa IDICO - CONAC như sau: Mã trái phiếu: IDTCH2123001; Số lượng trái phiếu: 1.000.000 trái phiếu; Mệnh giá: 100.000 đồng/trái phiếu; Giá trị trái phiếu (theo mệnh giá): 100.000.000.000 đồng; Kỳ hạn trái phiếu: 24 tháng kể từ ngày phát hành; Lãi suất trái phiếu: Lãi cố định 10%/năm, Kỳ tính lãi: 03 tháng/lần; Loại hình trái phiếu: là trái phiếu không chuyển đổi và không kèm chứng quyền, có tài sản bảo đảm; Tài sản đảm bảo 1.821.280 cổ phần của Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO và toàn bộ số cổ phần phát sinh do trả cổ tức liên quan quyền sở hữu 1.821.280 cổ phần trong thời gian thế chấp.

- Hợp đồng số 40/2021/ĐMTP/IDTCH2123001 ngày 10/6/2021 về việc đặt mua trái phiếu giữa Công ty cổ phần phát triển KCN và đô thị Thủ Thừa IDICO - CONAC và Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO.

- Giấy Chứng nhận sở hữu trái phiếu Công ty cổ phần phát triển KCN và đô thị Thủ Thừa IDICO - CONAC (Nay là Công ty Cổ phần IDTT) đợt phát hành ngày 10/6/2021.

- Phiếu lấy ý kiến Trái chủ ngày 16/2/2023 của Công ty cổ phần IDTT (IDTT) về việc thực hiện mua lại trước hạn 60% giá trị trái phiếu đã phát hành, tương đương 60 tỷ VND. Văn bản số 17/CT-TCKT ngày 17/02/2023 của Ban giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO gửi Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO về việc IDTT mua lại trước hạn Trái phiếu mã IDTCH2123001. Theo văn bản số 02/CT-HĐQT ngày 21/2/2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO đã chấp thuận đề nghị của Công ty cổ phần IDTT mua lại trước hạn trái phiếu mã IDTCH2123001 với giá trị là 60 tỷ VND.

- Văn bản số 28/CT-TCKT ngày 15/3/2023 của Ban giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO gửi Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO về việc bổ sung, thay đổi một số điều kiện, điều khoản và các nội dung liên quan đến việc kéo dài kỳ hạn Trái phiếu IDTCH2123001. Theo văn bản số 05/CT-HĐQT ngày 21/03/2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO đã chấp thuận bổ sung, thay đổi một số điều kiện, điều khoản và các nội dung liên quan đến việc kéo dài kỳ hạn Trái phiếu IDTCH2123001 như sau:

+ Số lượng Trái phiếu còn lại sau khi mua lại trước hạn là 400.000 trái phiếu

+ Giá trị theo mệnh giá là 40 tỷ VND

+ Ngày đáo hạn là ngày 10/12/2024

+ Lãi suất trái phiếu: 12,50%/năm

+ Tài sản đảm bảo 821.280 cổ phần của Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO và toàn bộ số cổ phần phát sinh do trả cổ tức liên quan quyền sở hữu 821.280 cổ phần trong thời gian thế chấp.

- Đến ngày 31/5/2023 Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO đã nhận đủ tiền gốc và lãi mua lại trái phiếu.

(ii) Công ty đã thế chấp theo hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2021/600266/HĐBB ngày 14/9/2021 với giá trị 80 tỷ đồng để thế chấp vay hạn mức vốn lưu động tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2024

5.4 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/3/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	57.255.135.454	48.039.194.963
Công ty cổ phần IDTT	17.892.422.881	17.814.505.881
Công ty cổ phần Kiểm định xây dựng An Hòa	1.362.623.845	1.421.305.684
Công ty TNHH may Thiên Kim	223.332.497	223.332.497
Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Đô thị	10.436.212.863	10.450.936.447
Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng Khu vực Quận 12	1.486.362.900	1.486.362.900
Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng khu vực Thành phố Thủ Đức	3.793.258.978	7.603.083.833
Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông	6.194.623.263	6.194.623.263
Các đối tượng còn lại	15.866.298.227	2.845.044.458
Tổng	57.255.135.454	48.039.194.963

Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.3)

19.255.046.726

19.235.811.565

5.5 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/3/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty cổ phần Kiểm định xây dựng An Hòa	35.354.451.414	33.058.878.784
Công ty cổ phần IDTT	8.398.046.110	9.049.714.946
Các đối tượng còn lại	1.955.331.878	2.484.078.860
Tổng	45.707.829.402	44.592.672.590

Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.3)

43.752.497.524

42.108.593.730

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICOSố 326 Nguyễn An Ninh, phường 7,
Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2024

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

5.6 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

Lãi dự thu các ngân hàng, lãi cho vay và đầu tư trái phiếu

Ký quỹ ký cược ngắn hạn

Tạm ứng

Phải thu khác

Tổng

	31/3/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
	7.995.233.626	-	10.103.858.323	-
	275.950.000	-	232.290.000	-
	18.068.056.194	-	17.853.417.536	-
	3.832.061.149	(176.053.897)	3.787.853.077	(176.053.897)
Tổng	30.171.300.969	(176.053.897)	31.977.418.936	(176.053.897)

Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.3)

3.541.448.778

3.506.370.658

5.7 Nợ xấu

Đường nội bộ nhà máy đường Trị An

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Du lịch IDICO

Các đối tượng còn lại

Tổng**Trong đó:**

Đường nội bộ nhà máy đường Trị An

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Du lịch IDICO

Các đối tượng còn lại

Tổng

	31/3/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu	Giá gốc	Giá trị có thể thu	
	102.384.934	-	102.384.934	-	
	129.407.703	-	129.407.703	-	
	871.438.565	-	871.438.565	-	
	1.103.231.202	-	1.103.231.202	-	
Dưới 6 tháng		Từ 1-2 năm		Từ 2-3 năm	Từ 3 năm
	-	-	-	-	102.384.934
	-	-	-	-	129.407.703
	-	-	-	-	871.438.565
	-	-	-	-	1.103.231.202
Tổng	-	-	-	-	1.103.231.202

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7,
Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2024

5.8 Hàng tồn kho

Nguyên liệu, vật liệu
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)
Hàng hóa
Tổng

31/3/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
16.138.630	-	23.470.459	-
371.661.716.371	-	343.803.028.061	-
17.226.023.617	-	17.222.126.783	-
388.903.878.618	-	361.048.625.303	-

(i) Chi tiết số dư một số công trình lớn
Nâng cấp mở rộng đường Lã Xuân Oai
Công trình đường ĐT818 đoạn từ QL1-QLN2
Cầu Tân Bửu, huyện Bến Lức
Đường Nguyễn Anh Thủ
Dự án Khu đô thị Bắc Châu Giang (ii)
Các công trình còn lại
Tổng

31/3/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
4.502.463.141	-	4.475.295.916	-
8.613.776.028	-	1.555.538.933	-
6.036.634.366	-	3.226.519.717	-
5.281.044.182	-	1.840.727.455	-
333.281.984.574	-	326.290.100.001	-
13.945.814.080	-	6.414.846.039	-
371.661.716.371	-	343.803.028.061	-

(ii) Đây là Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Thương mại Dịch vụ kết hợp nhà ở thuộc Khu đô thị Bắc Châu Giang, thành phố Phú Lý; Địa điểm xây dựng tại phường Lam Hạ, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam. Chủ đầu tư dự án là Liên danh Công ty cổ phần Dầu tư xây dựng dầu khí IDICO và Công ty cổ phần Kiểm định An Hòa, đại diện Liên danh là Công ty cổ phần Dầu tư xây dựng dầu khí IDICO. Dự án đang tiếp tục đầu tư, xây dựng và kinh doanh trong tương lai.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7,
Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2024

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

5.9 Chi phí trước**a) Ngán hạn**

Công cụ, dụng cụ, chi phí chờ phân bổ

b) Dài hạn

Công cụ dụng cụ

Chi phí sửa chữa

Tiền thuê đất KCN Mỹ Xuân B1

Chi phí trả trước dài hạn khác

Tổng

	31/3/2024	01/01/2024
	VND	VND
	35.403.568	28.669.102
	35.403.568	28.669.102
	33.805.690.749	29.184.060.278
	258.274.032	272.324.886
	369.349.360	458.329.756
	30.707.815.644	25.684.251.190
	2.470.251.713	2.769.154.446
	33.841.094.317	29.212.729.380

5.10 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước**Phải nộp**

Thuế GTGT

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập cá nhân

Thuế nhà đất và tiền thuế đất

Các loại thuế khác

Phải thu

Thuế nhà đất và tiền thuế đất

Các khoản khác phải thu nhà nước

	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Đơn vị tính: VND
	01/01/2024	31/3/2024	
	15.944.092.443	8.977.200.355	2.554.252.553
	1.943.483.610	419.260.039	96.542.579
	11.853.873.344	2.433.936.143	2.433.936.143
	392.165.788	304.513.423	23.773.831
	1.733.362.319	5.778.430.461	-
	21.207.382	41.060.289	-
	932.811.950	740.380.735	192.431.215
	888.456.881	740.380.735	148.076.146
	44.355.069	-	44.355.069

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO
Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7,
Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2024

5.11 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại ngày 01/01/2024	30.735.197.885	3.013.409.402	4.808.437.005	275.983.547	1.394.404.610	40.227.432.449
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/3/2024	30.735.197.885	3.013.409.402	4.808.437.005	275.983.547	1.394.404.610	40.227.432.449
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2024	27.067.818.990	2.651.858.166	3.211.240.477	244.479.520	1.286.467.108	34.461.864.261
Tăng trong năm	70.644.237	23.975.109	152.316.291	16.677.414	9.812.499	273.425.550
Khấu hao trong năm	70.644.237	23.975.109	152.316.291	16.677.414	9.812.499	273.425.550
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/3/2024	27.138.463.227	2.675.833.275	3.363.556.768	261.156.934	1.296.279.607	34.735.289.811
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2024	3.667.378.895	361.551.236	1.597.196.528	31.504.027	107.937.502	5.765.568.188
Tại ngày 31/3/2024	3.596.734.658	337.576.127	1.444.880.237	14.826.613	98.125.003	5.492.142.638

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/3/2024: 2.094.560 VND (tại ngày 31/12/2023 là 2.672.395 VND).

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/3/2024 là 29.243.851.316 VND (tại ngày 31/12/2023 là 29.243.851.316 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2024

5.12 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất (vô thời hạn)	Quyền sử dụng đất (có thời hạn 50 năm)	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại ngày 01/01/2024	51.344.488.700	226.997.454	51.571.486.154
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2023	51.344.488.700	226.997.454	51.571.486.154
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại ngày 01/01/2024	-	110.796.353	110.796.353
Tăng trong năm	-	1.538.757	1.538.757
Khấu hao trong năm	-	1.538.757	1.538.757
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2023	-	112.335.110	112.335.110
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2024	51.344.488.700	116.201.101	51.460.689.801
Tại ngày 31/3/2024	51.344.488.700	114.662.344	51.459.151.044

5.13 Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	01/01/2024	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/3/2024
Nguyên giá	425.109.234.510	-	-	425.109.234.510
Quyền sử dụng đất	266.263.521.288	-	-	266.263.521.288
Nhà cửa vật kiến trúc	158.845.713.222	-	-	158.845.713.222
Giá trị hao mòn lũy kế	205.410.634.378	10.414.211.613	-	215.824.845.991
Quyền sử dụng đất	120.124.730.421	3.852.469.044	-	123.977.199.465
Nhà cửa vật kiến trúc	85.285.903.957	6.561.742.569	-	91.847.646.526
Giá trị còn lại	219.698.600.132	-	-	209.284.388.519
Quyền sử dụng đất	146.138.790.867	-	-	142.286.321.823
Nhà cửa vật kiến trúc	73.559.809.265	-	-	66.998.066.696

5.14 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/3/2024 VND	01/01/2024 VND
Dự án khu cao ốc 326 Nguyễn An Ninh	17.507.179.505	17.507.179.505
Dự án khu nhà ở CBCNV - Chuyên gia 3,4 ha khu công nghiệp Mỹ Xuân B1	27.965.575.051	27.039.115.051
Dự án CONDOTEL Thùy Dương	829.193.366	829.193.366
Dự án Trạm xử lý nước thải giai đoạn 2 công suất 6.500m3/ngày đêm	484.544.818	484.544.818
Dự án Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1 Mở Rộng	2.923.011.701	2.923.011.701
Tổng	49.709.504.441	48.783.044.441

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICOSố 326 Nguyễn An Ninh, phường 7,
Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2024

5.15 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/3/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	15.110.160.114	15.110.160.114	13.493.926.446	13.493.926.446
Công ty TNHH MTV Nhi Nhiên	308.001.270	308.001.270	243.758.650	243.758.650
Công ty TNHH cấp nước Tóc Tiên	578.778.060	578.778.060	440.133.750	440.133.750
Công ty TNHH DV xây dựng Minh Anh Phát	252.851.044	252.851.044	752.851.044	752.851.044
Công ty Cổ phần xây dựng và đầu tư 492	1.773.766.332	1.773.766.332	1.773.766.332	1.773.766.332
Công ty cổ phần Kiểm định xây dựng An Hòa	2.520.537.021	2.520.537.021	2.223.591.924	2.223.591.924
Công ty cổ phần IDTT	3.355.391.074	3.355.391.074		
Các đối tượng còn lại	6.320.835.313	6.320.835.313	8.059.824.746	8.059.824.746
Tổng	15.110.160.114	15.110.160.114	13.493.926.446	13.493.926.446
	5.875.928.095	5.875.928.095	2.223.591.924	2.223.591.924

Trong đó: Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.3)**5.16 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/3/2024		01/01/2024	
	VND	VND	VND	VND
Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình giao thông	22.419.121.600	14.690.396.600		
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Tp.Thủ Đức	5.483.408.106	5.483.408.106		
Ban QLDA công trình giao thông	27.853.320.000	10.804.799.000		
Ban quản lý Đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 Tp.HCM đoạn qua tỉnh Long An	37.517.167.000	37.711.508.000		
Các đối tượng còn lại	4.385.041.120	12.113.823.230		
Tổng	97.658.057.826	80.803.934.936		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICOSố 326 Nguyễn An Ninh, phường 7,
Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2024

5.17 Vay ngắn hạn và dài hạn

	31/3/2024		Trong năm		01/01/2024		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Vay ngắn hạn							
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu	24.166.000.000	24.166.000.000	35.492.756.191	11.326.756.191	-	-	
b) Nợ dài hạn đến hạn trả							
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu (i)	198.672.182.740	198.672.182.740	103.672.182.740	5.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	
c) Vay dài hạn							
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu (i)	-	-	-	103.672.182.740	103.672.182.740	103.672.182.740	
Tổng	222.838.182.740	222.838.182.740	139.164.938.931	119.998.938.931	203.672.182.740	203.672.182.740	

(i) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu

Hợp đồng tín dụng số 01/2021/600266/HĐTD-DA ngày 25/02/2021 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng đồng tín dụng số 03/2022/600266/HĐTD-DA/PL. Hạn mức tín dụng 210.000.000.000 VND.

Đầu tư xây dựng Khu trung tâm thương mại, dịch vụ kết hợp nhà ở thuộc Khu đô thị Bắc Châu Giang, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam (Giai đoạn I)

Theo từng giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể, 36 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên. Được áp dụng trong từng Giấy nhận nợ cụ thể.

Thế chấp cho bên Cho vay quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất là Dự án Đầu tư xây dựng Khu trung tâm thương mại, dịch vụ kết hợp nhà ở thuộc Khu đô thị Bắc Châu Giang, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam (giai đoạn I) và các quyền phát sinh từ dự án.

Số dư gốc vay tại ngày 31/03/2024
198.672.182.740 VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO**

Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7,
Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2024

5.18 Chi phí phải trả

	31/3/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công trình cầu Long Đại		1.513.451.388
Chi phí lãi vay	1.729.808.758	
Chi phí phải trả khác	242.312.500	-
Tổng	1.972.121.258	1.513.451.388

5.19 Các khoản phải trả phải nộp khác

	31/3/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	11.912.634.724	3.209.038.349
Kinh phí công đoàn	65.762.880	65.762.880
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	86.000.000	86.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.289.673.564	1.268.025.564
Các khoản phải trả khác	10.471.198.280	1.789.249.905
b) Dài hạn	350.000.000	350.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	350.000.000	350.000.000
Tổng	12.262.634.724	3.559.038.349

5.20 Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn	4.516.316.570	18.065.266.280
Công ty TNHH công nghiệp nặng VINA - HALLA	590.167.439	2.360.669.756
Công ty TNHH Nhôm Toàn cầu Việt nam	2.797.190.985	11.188.763.940
Các đối tượng còn lại nhỏ hơn 10%	1.128.958.146	4.515.832.584
b) Dài hạn	619.343.136.155	623.859.452.725
Công ty TNHH Nhôm Toàn cầu Việt nam	419.088.048.620	421.885.239.605
Các đối tượng còn lại nhỏ hơn 10%	200.255.087.535	201.974.213.120
Tổng	623.859.452.725	641.924.719.005

5.21 Dự phòng phải trả ngắn hạn

	31/3/2024	01/01/2024
	VND	VND
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	1.074.782.000	1.074.782.000
Tổng	1.074.782.000	1.074.782.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICOSố 326 Nguyễn An Ninh, phường 7,
Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2024

5.22 Vốn chủ sở hữu**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Số dư tại ngày 01/01/2023	119.999.850.000	290.000	-	217.513.914.378	337.514.054.378	
Tăng trong năm	83.999.750.000	-	-	66.038.477.239	150.038.227.239	
Lãi trong năm trước	-	-	-	66.038.477.239	66.038.477.239	
Tăng vốn từ chia cổ tức bằng cổ phiếu	83.999.750.000	-	-	-	83.999.750.000	
Giảm trong năm	-	-	-	(216.537.571.590)	(216.537.571.590)	
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	(83.999.750.000)	(83.999.750.000)	
Trích quỹ thưởng ban điều hành	-	-	-	(1.738.014.090)	(1.738.014.090)	
Tạm cổ tức năm 2022 bằng tiền - đợt 3	-	-	-	(53.999.932.500)	(53.999.932.500)	
Chia cổ tức năm 2022 bằng tiền - đợt 4	-	-	-	(35.999.955.000)	(35.999.955.000)	
Tạm cổ tức năm 2023 bằng tiền - đợt 1	-	-	-	(40.799.920.000)	(40.799.920.000)	
Số dư tại ngày 31/12/2023	203.999.600.000	290.000	-	67.014.820.027	271.014.710.027	
Số dư tại ngày 01/01/2024	203.999.600.000	290.000	-	67.014.820.027	271.014.710.027	
Tăng trong năm	-	-	-	9.735.744.570	9.735.744.570	
Lãi trong năm nay	-	-	-	9.735.744.570	9.735.744.570	
Giảm trong năm	-	-	-	(30.599.940.000)	(30.599.940.000)	
Tạm cổ tức năm 2023 bằng tiền - đợt 2	-	-	-	(30.599.940.000)	(30.599.940.000)	
Số dư tại ngày 31/03/2024	203.999.600.000	290.000	-	46.150.624.597	250.150.514.597	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2024

5.22 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

Đối tượng	Tỷ lệ	Tại ngày 31/3/2024		Tại ngày 01/01/2024		
		Số CP	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ	Số CP	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)
Tổng công ty IDICO - CTCP	51,00%	10.404.000	104.040.000.000	51,00%	10.404.000	104.040.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hayat Việt Nam	22,77%	4.644.264	46.442.640.000	22,77%	4.644.264	46.442.640.000
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển xây dựng Việt Nam	16,00%	3.264.000	32.640.000.000	16,00%	3.264.000	32.640.000.000
Vốn góp của tổ chức, cá nhân khác	10,23%	2.087.696	20.876.960.000	10,23%	2.087.696	20.876.960.000
Tổng	100%	20.399.960	203.999.600.000	100%	20.399.960	203.999.600.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2024 đến 31/3/2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	203.999.600.000	119.999.850.000
Vốn góp tăng trong năm		83.999.750.000
Vốn góp tại ngày 31 tháng 03	203.999.600.000	203.999.600.000
Cổ tức đã chia, lợi nhuận đã chia	30.599.940.000	53.999.932.500

d. Cổ phiếu

	31/3/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.399.960	20.399.960
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.399.960	20.399.960
Cổ phiếu phổ thông	20.399.960	20.399.960
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.399.960	20.399.960
Cổ phiếu phổ thông	20.399.960	20.399.960
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2024

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2024 đến 31/3/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 31/3/2023 VND
a) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	48.106.974.702	34.634.313.748
Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	725.707.534	682.393.310
Doanh thu kinh doanh khu công nghiệp	25.666.690.093	17.635.707.461
Doanh thu hợp đồng xây dựng	21.714.577.075	16.316.212.977
b) Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần (a)-(b)	48.106.974.702	34.634.313.748

*Trong đó: Doanh thu bán hàng cho các bên liên quan
(chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.3)*

625.873.793 4.608.076.914

6.2 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2024 đến 31/3/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 31/3/2023 VND
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ	1.635.573.507	1.661.281.620
Giá vốn kinh doanh khu công nghiệp	14.591.708.266	6.233.971.225
Giá vốn hợp đồng xây dựng	20.752.676.182	15.848.507.911
Tổng	36.979.957.955	23.743.760.756

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2024 đến 31/3/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 31/3/2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.528.328.393	5.150.318.057
Lãi đầu tư trái phiếu	1.232.876.537	1.945.205.480
Tổng	4.761.204.930	7.095.523.537

*Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính cho các bên
liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.3)*

1.232.876.537 1.945.205.480

6.4 Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2024 đến 31/3/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 31/3/2023 VND
Lãi tiền vay	183.668.963	351.246.693
Tổng	183.668.963	351.246.693

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2024

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2024 đến 31/3/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/3/2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.189.558.894	2.427.274.815
Chi phí đồ dùng văn phòng	76.321.513	50.704.418
Chi phí khấu hao TSCĐ	254.651.700	395.486.088
Thuế phí và lệ phí	18.131.540	80.822.873
Chi phí dịch vụ mua ngoài	441.250.370	354.618.374
Chi phí bằng tiền khác	554.957.984	426.879.422
Tổng	3.534.872.001	3.735.785.990

6.6 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2024 đến 31/3/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/3/2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.936.846.742	12.528.180.823
Chi phí nhân công	4.401.114.500	3.991.884.789
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.689.175.920	2.961.257.490
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.499.929.573	24.884.157.393
Chi phí khác bằng tiền	7.077.661.197	6.198.137.654
Tổng	68.604.727.932	50.563.618.149

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2024 đến 31/3/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/3/2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.169.680.713	13.899.043.846
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</i>	-	-
<i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</i>	-	-
Thu nhập chịu thuế	12.169.680.713	13.899.043.846
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	2.433.936.143	2.779.808.769
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.433.936.143	2.779.808.769

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2024

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2024 đến 31/3/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/3/2023
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.735.744.570	11.119.235.077
Trích quỹ thưởng ban điều hành (i)	(286.442.897)	(434.503.523)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.449.301.674	10.684.731.555
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	20.399.960	11.999.985
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	463	890

(i) Công ty đang ước tính số lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân bổ vào Quỹ thưởng ban điều hành cho năm 2023 theo Nghị quyết số 07/NQ-CT ngày 25/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. Theo đó, Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và Lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể thay đổi sau khi có Nghị quyết chính thức của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin các hợp đồng ghi nhận doanh thu trên tổng số tiền nhận trước

Đối với các hợp đồng đã ghi nhận doanh thu một lần thì ước tính chênh lệch về doanh thu và lợi nhuận nếu ghi nhận theo phương pháp phân bổ dần theo thời gian cho thuê, việc suy giảm doanh thu, lợi nhuận của các kỳ trong tương lai như sau:

TT	Nội dung	Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1
	Lũy kế đến thời điểm lập Báo cáo	
1	Doanh thu hạch toán một lần	
	Doanh thu	519.930.016.895
	Giá vốn	92.014.182.336
	Lợi nhuận gộp	427.915.834.559
2	Phân bổ dần theo thời gian cho thuê của hợp đồng	
	Doanh thu	12.942.462.519
	Giá vốn	5.417.686.875
	Lợi nhuận gộp	7.524.775.644
3	Chênh lệch giữa hạch toán một lần và phân bổ dần theo thời gian cho thuê của hợp đồng	
	Doanh thu	506.987.554.376
	Giá vốn	86.596.495.461
	Lợi nhuận gộp	420.391.058.915

7.2 Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty có ký các hợp đồng thuê đất với nhà nước nhằm mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tại các địa phương mà Công ty có cơ sở sản xuất kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo các quy định hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2024

7.3 Thông tin bên liên quan

a) Danh sách các bên liên quan:

Stt	Bên liên quan	Mối quan hệ	Tên viết tắt
1	Tổng công ty IDICO - CTCP	Công ty mẹ	IDICO
2	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Long An IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO-LINCO
3	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO-IDI
4	Công ty cổ phần IDTT	Cùng chịu sự kiểm soát của Chủ tịch	IDTT
5	Công ty Cổ phần Kiểm định Xây dựng An Hòa	Cùng chịu sự kiểm soát của Chủ tịch và Tổng Giám đốc	AHCV
6	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hayat Việt Nam	Cổ đông lớn	HAYAT
7	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển xây dựng Việt Nam	Cổ đông lớn	
8	Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể	

b) Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

b1) Lương, thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức danh	đến 31/3/2024	đến 31/3/2023
		VND	VND
Ông Đặng Chính Trung	Chủ tịch HĐQT	109.500.000	80.500.000
Ông Lê Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	24.000.000	12.000.000
Ông Phạm Ngọc Dũng	Thành viên HĐQT	24.000.000	187.363.491
Ông Võ Tấn Dũng	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	24.000.000	12.000.000
Tổng		205.500.000	315.863.491

b2) Lương, thù lao và các lợi ích khác của Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	đến 31/3/2024	đến 31/3/2023
		VND	VND
Ông Nguyễn Đức Tiến	Trưởng BKS	24.000.000	24.000.000
Ông Trần Quang Duy	Nguyên Thành viên BKS		15.500.000
Ông Mai Quốc Chính	Thành viên BKS	15.500.000	15.500.000
Ông Nguyễn Văn Thấu	Thành viên BKS	15.500.000	
Tổng		55.000.000	55.000.000

b3) Lương và các lợi ích khác của Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức danh	đến 31/3/2024	đến 31/3/2023
		VND	VND
Ông Lê Thanh Tùng	Giám đốc	220.036.436	179.813.818
Ông Trần Thanh Kiều	Nguyên Phó Giám đốc		167.863.637
Ông Vũ Anh Tuấn	Phó Giám đốc, Người CBTT, người phụ trách quản trị	207.968.182	212.936.436
Ông Phạm Ngọc Dũng	Phó Giám đốc	210.315.803	
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Kế toán trưởng	174.736.364	152.954.546
Tổng		813.056.786	713.568.437

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2024

7.3 Thông tin bên liên quan (Tiếp theo)

c) Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Từ 01/01/2024 đến 31/3/2024 VND	Năm 2023 VND
<u>Giao dịch mua</u>		30.248.294.679	8.671.638.030
AHCV	Giá trị xây lắp, vật tư	18.870.708.619	8.671.638.030
IDTT	Mua vật tư	11.377.586.060	-
<u>Giao dịch bán</u>		625.873.793	4.608.076.914
HAYAT	Cung cấp dịch vụ		
AHCV	Cung cấp dịch vụ và xây lắp	574.719.160	32.893.636
IDTT	Cung cấp dịch vụ	51.154.633	61.233.635
Ông Lê Thanh Tùng	Giá trị xây lắp		4.513.949.643
	Thanh lý tài sản		
<u>Chia cổ tức</u>		27.519.651.000	48.564.090.000
IDICO	Cổ tức năm trước	15.606.000.000	27.540.000.000
	Tạm ứng cổ tức năm nay		
AHCV	Cổ tức năm trước	51.255.000	90.450.000
	Tạm ứng cổ tức năm nay		
HAYAT	Cổ tức năm trước	6.966.396.000	12.293.640.000
	Tạm ứng cổ tức năm nay		
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển xây dựng Việt Nam	Cổ tức năm trước	4.896.000.000	8.640.000.000
	Tạm ứng cổ tức năm nay		
Các khoản đầu tư		-	30.000.000.000
IDTT	Nhận lại trái phiếu trước hạn		30.000.000.000
Cổ tức, trái phiếu được nhận		1.232.876.537	1.945.205.480
IDTT	Lãi trái phiếu	1.232.876.537	1.945.205.480
Giao dịch khác		66.132.108	68.542.752
AHCV	Các khoản khác	44.382.108	46.792.752
IDTT	Các khoản khác	21.750.000	21.750.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2024

7.3 Thông tin bên liên quan (Tiếp theo)

d) Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	31/3/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải thu khách hàng	19.255.046.726	19.235.811.565
AHCV	1.362.623.845	1.421.305.684
IDTT	17.892.422.881	17.814.505.881
Trả trước cho người bán ngắn hạn	43.752.497.524	42.108.593.730
AHCV	35.354.451.414	33.058.878.784
IDTT	8.398.046.110	9.049.714.946
Phải thu khác ngắn hạn	3.541.448.778	3.506.370.658
IDTT	287.671.200	301.369.863
AHCV	3.253.777.578	3.205.000.795
Phải trả cho người bán	5.875.928.095	2.223.591.924
AHCV	2.520.537.021	2.223.591.924
IDTT	3.355.391.074	-
Người mua trả tiền trước	1.763.633.802	1.763.633.802
IDTT	1.763.633.802	1.763.633.802
Phải thu đầu tư	50.676.000.000	50.676.000.000
IDTT	40.000.000.000	40.000.000.000
IDICO - IDI	10.676.000.000	10.676.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2024

7.4 Báo cáo bộ phận

Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận phân theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Kinh doanh dịch vụ khu công nghiệp, Xây lắp và lĩnh vực khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động của Công ty.

a) Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2023

Đơn vị tính: VND

	Xây lắp	Kinh doanh hạ tầng và dịch vụ KCN	Hoạt động kinh doanh Bất động sản khu đô thị	Các hoạt động khác	Tổng
Tổng doanh thu	16.316.212.977	17.635.707.461	-	682.393.310	34.634.313.748
Giá vốn hàng bán	(15.848.507.911)	(6.233.971.225)	-	(1.661.281.620)	(23.743.760.756)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	-	-	(3.735.785.990)
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	7.095.523.537
Chi phí tài chính	-	-	-	-	(351.246.693)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	13.899.043.846
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	-	13.899.043.846
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	(2.779.808.769)
Lợi nhuận trong năm					11.119.235.077

b) Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2023

	Xây lắp	Kinh doanh hạ tầng và dịch vụ KCN	Hoạt động kinh doanh Bất động sản khu đô thị	Các hoạt động khác	Tổng
TÀI SẢN					
Tài sản cố định		119.001.238	107.937.502	56.999.319.249	57.226.257.989
Bất động sản đầu tư	-	219.698.600.132	-	-	219.698.600.132
Xây dựng cơ bản dở dang	-	30.446.671.570	-	18.336.372.871	48.783.044.441
Các khoản phải thu	89.447.922.802	703.766.782	-	33.354.365.703	123.506.055.287
Hàng tồn kho	17.512.928.060	17.217.709.000	326.290.100.001	27.888.242	361.048.625.303
Tài sản không thể phân bổ					429.886.240.116
Tổng tài sản					1.240.148.823.268
NỢ PHẢI TRẢ					
Các khoản phải trả	84.149.468.279	643.034.081.502	11.883.802.945	26.394.577.775	765.461.930.501
Phải trả tiền vay		-	203.672.182.740	-	203.672.182.740
Nợ phải trả không phân bổ					-
Tổng nợ phải trả					969.134.113.241

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2024

7.4 Báo cáo bộ phận(Tiếp theo)

c) Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2024

	Xây lắp	Kinh doanh hạ tầng và dịch vụ KCN	Hoạt động kinh doanh Bất động sản khu đô thị	Các hoạt động khác	Tổng
DOANH THU					
Tổng doanh thu	21.714.577.075	25.666.690.093	-	725.707.534	48.106.974.702
Giá vốn hàng bán	(20.752.676.182)	(14.591.708.266)	-	(1.635.573.507)	(36.979.957.955)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	-	-	(3.534.872.001)
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	4.761.204.930
Chi phí tài chính	-	-	-	-	(183.668.963)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	12.169.680.713
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	-	12.169.680.713
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	(2.433.936.143)
Lợi nhuận trong năm					9.735.744.570

d) Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31/3/2024

	Xây lắp	Kinh doanh hạ tầng và dịch vụ KCN	Hoạt động kinh doanh Bất động sản khu đô thị	Các hoạt động khác	Tổng
TÀI SẢN					
Tài sản cố định	-	108.501.130	98.125.003	56.744.667.549	56.951.293.682
Bất động sản đầu tư	-	209.284.388.519	-	-	209.284.388.519
Xây dựng cơ bản dở dang	-	31.373.131.570	-	18.336.372.871	49.709.504.441
Các khoản phải thu	98.914.083.265	1.528.117.773	-	31.588.833.585	132.031.034.623
Hàng tồn kho	38.388.046.414	17.217.709.000	333.281.984.574	16.138.630	388.903.878.618
Tài sản không thể phân bổ					395.400.002.956
Tổng tài sản					1.232.280.102.839
NỢ PHẢI TRẢ					
Các khoản phải trả	111.122.993.349	624.736.959.532	10.324.000.000	13.107.452.621	759.291.405.502
Phải trả tiền vay	24.166.000.000	-	198.672.182.740	-	222.838.182.740
Nợ phải trả không phân bổ					-
Tổng nợ phải trả					982.129.588.242

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2024

7.5 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập



Nguyễn Thị Lựu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Vũng Tàu, ngày 25 tháng 4 năm 2024
Giám đốc



Lê Thanh Tùng